

**PHỤ LỤC:**  
**DANH MỤC MÃ ĐỊNH DANH TÀI LIỆU, MÃ ĐỊNH DANH HỒ SƠ CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC**  
*(Kèm theo Quyết định số      /QĐ-UBND ngày      tháng      năm 2025 của UBND thành phố Hà Nội)*

| TT        | Tên cơ quan, tổ chức                                                     | Mã định danh cơ quan, tổ chức | Chữ viết tắt tên cơ quan, đơn vị | Ký hiệu đơn vị, bộ phận trực thuộc <sup>1</sup> | Mã định danh tài liệu/văn bản <sup>2</sup> | Mã định danh hồ sơ <sup>3</sup> |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|----------------------------------|-------------------------------------------------|--------------------------------------------|---------------------------------|
| <b>I</b>  | <b>Ủy ban nhân dân Thành phố</b>                                         | H26                           | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| <b>II</b> | <b>Sở, ban, ngành Thành phố</b>                                          |                               |                                  |                                                 |                                            |                                 |
| 1         | Văn phòng UBND Thành phố                                                 | H26.1                         | VP                               |                                                 |                                            |                                 |
| 2         | Sở Công thương                                                           | H26.2                         | SCT                              |                                                 |                                            |                                 |
| 3         | Sở Du lịch                                                               | H26.3                         | SDL                              |                                                 |                                            |                                 |
| 4         | Sở Giáo dục và Đào tạo                                                   | H26.4                         | SGDDT                            |                                                 |                                            |                                 |
| 5         | Sở Khoa học và Công nghệ                                                 | H26.7                         | SKHCN                            |                                                 |                                            |                                 |
| 6         | Sở Nội vụ                                                                | H26.10                        | SNV                              |                                                 |                                            |                                 |
| 7         | Sở Quy hoạch và Kiến trúc                                                | H26.12                        | QHKT                             |                                                 |                                            |                                 |
| 8         | Sở Tài chính                                                             | H26.13                        | STC                              |                                                 |                                            |                                 |
| 9         | Sở Tư pháp                                                               | H26.16                        | STP                              |                                                 |                                            |                                 |
| 10        | Sở Văn hóa và Thể thao                                                   | H26.17                        | SVHTT                            |                                                 |                                            |                                 |
| 11        | Sở Xây dựng                                                              | H26.18                        | SXD                              |                                                 |                                            |                                 |
| 12        | Sở Y tế                                                                  | H26.19                        | SYT                              |                                                 |                                            |                                 |
| 13        | Thanh tra Thành phố                                                      | H26.20                        | TTTP                             |                                                 |                                            |                                 |
| 14        | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng thành phố Hà Nội   | H26.53                        | BQLDADD                          |                                                 |                                            |                                 |
| 15        | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông thành phố Hà Nội | H26.54                        | BQLCTGT                          |                                                 |                                            |                                 |
| 16        | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ                  | H26.55                        | BQLHTKT&NN                       |                                                 |                                            |                                 |

| TT         | Tên cơ quan, tổ chức                                 | Mã định danh cơ quan, tổ chức | Chữ viết tắt tên cơ quan, đơn vị | Ký hiệu đơn vị, bộ phận trực thuộc <sup>1</sup> | Mã định danh tài liệu/văn bản <sup>2</sup> | Mã định danh hồ sơ <sup>3</sup> |
|------------|------------------------------------------------------|-------------------------------|----------------------------------|-------------------------------------------------|--------------------------------------------|---------------------------------|
|            | thuật và nông nghiệp                                 |                               |                                  |                                                 |                                            |                                 |
| 17         | Ban Quản lý đường sắt đô thị Hà Nội                  | H26.56                        | ĐSĐT                             |                                                 |                                            |                                 |
| 18         | Báo Kinh tế và Đô Thị                                | H26.57                        | KTĐT                             |                                                 |                                            |                                 |
| 19         | Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Nội                 | H26.58                        | ĐPTTHN                           |                                                 |                                            |                                 |
| 20         | Quỹ Đầu tư Phát triển thành phố Hà Nội               | H26.59                        | QĐTPT                            |                                                 |                                            |                                 |
| 21         | Trung tâm Bảo tồn Di sản Thăng Long - Hà Nội         | H26.60                        | TTHN                             |                                                 |                                            |                                 |
| 22         | Viện Nghiên cứu Phát triển kinh tế - xã hội          | H26.75                        | VNC                              |                                                 |                                            |                                 |
| 23         | Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội                       | H26.76                        | VQH                              |                                                 |                                            |                                 |
| 24         | Ban Quản lý Các khu công nghệ cao và Khu công nghiệp | H26.100                       | CNCCN                            |                                                 |                                            |                                 |
| 25         | Trung tâm Phục vụ hành chính công                    | H26.101                       | TTPVHCC                          |                                                 |                                            |                                 |
| 26         | Sở Dân tộc và Tôn giáo                               | H26.102                       | SDTTG                            |                                                 |                                            |                                 |
| 27         | Sở Nông nghiệp và Môi trường                         | H26.103                       | SNNMT                            |                                                 |                                            |                                 |
| <b>III</b> | <b>UBND xã, phường</b>                               |                               |                                  |                                                 |                                            |                                 |
| 28         | UBND phường Hoàn Kiếm                                | H26.105                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 29         | UBND phường Cửa Nam                                  | H26.106                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 30         | UBND phường Ba Đình                                  | H26.107                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 31         | UBND phường Ngọc Hà                                  | H26.108                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 32         | UBND phường Giảng Võ                                 | H26.109                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 33         | UBND phường Hai Bà Trưng                             | H26.110                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 34         | UBND phường Vĩnh Tuy                                 | H26.111                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 35         | UBND phường Bạch Mai                                 | H26.112                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |

| TT | Tên cơ quan, tổ chức                | Mã định danh cơ quan, tổ chức | Chữ viết tắt tên cơ quan, đơn vị | Ký hiệu đơn vị, bộ phận trực thuộc <sup>1</sup> | Mã định danh tài liệu/văn bản <sup>2</sup> | Mã định danh hồ sơ <sup>3</sup> |
|----|-------------------------------------|-------------------------------|----------------------------------|-------------------------------------------------|--------------------------------------------|---------------------------------|
| 36 | UBND phường Đồng Đa                 | H26.113                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 37 | UBND phường Kim Liên                | H26.114                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 38 | UBND phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám | H26.115                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 39 | UBND Phường Láng                    | H26.116                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 40 | UBND phường Ô Chợ Dừa               | H26.117                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 41 | UBND phường Hồng Hà                 | H26.118                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 42 | UBND phường Lĩnh Nam                | H26.119                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 43 | UBND phường Hoàng Mai               | H26.120                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 44 | UBND phường Vĩnh Hưng               | H26.121                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 45 | UBND phường Tương Mai               | H26.122                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 46 | UBND phường Định Công               | H26.123                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 47 | UBND phường Hoàng Liệt              | H26.124                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 48 | UBND phường Yên Sở                  | H26.125                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 49 | UBND phường Thanh Xuân              | H26.126                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 50 | UBND phường Khương Đình             | H26.127                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 51 | UBND phường Phương Liệt             | H26.128                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 52 | UBND phường Cầu Giấy                | H26.129                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 53 | UBND phường Nghĩa Đô                | H26.130                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 54 | UBND phường Yên Hòa                 | H26.131                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 55 | UBND phường Tây Hồ                  | H26.132                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 56 | UBND phường Phú Thượng              | H26.133                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 57 | UBND phường Tây Tựu                 | H26.134                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 58 | UBND phường Phú Diễn                | H26.135                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 59 | UBND phường Xuân Đình               | H26.136                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 60 | UBND phường Đông Ngạc               | H26.137                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 61 | UBND phường Thượng Cát              | H26.138                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 62 | UBND phường Từ Liêm                 | H26.139                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 63 | UBND phường Xuân Phương             | H26.140                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 64 | UBND phường Tây Mỗ                  | H26.141                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |

| TT | Tên cơ quan, tổ chức   | Mã định danh cơ quan, tổ chức | Chữ viết tắt tên cơ quan, đơn vị | Ký hiệu đơn vị, bộ phận trực thuộc <sup>1</sup> | Mã định danh tài liệu/văn bản <sup>2</sup> | Mã định danh hồ sơ <sup>3</sup> |
|----|------------------------|-------------------------------|----------------------------------|-------------------------------------------------|--------------------------------------------|---------------------------------|
| 65 | UBND phường Đại Mỗ     | H26.142                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 66 | UBND phường Long Biên  | H26.143                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 67 | UBND phường Bồ Đề      | H26.144                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 68 | UBND phường Việt Hưng  | H26.145                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 69 | UBND phường Phúc Lợi   | H26.146                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 70 | UBND phường Hà Đông    | H26.147                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 71 | UBND phường Dương Nội  | H26.148                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 72 | UBND phường Yên Nghĩa  | H26.149                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 73 | UBND phường Phú Lương  | H26.150                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 74 | UBND phường Kiên Hưng  | H26.151                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 75 | UBND xã Thanh Trì      | H26.152                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 76 | UBND xã Đại Thanh      | H26.153                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 77 | UBND xã Nam Phù        | H26.154                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 78 | UBND xã Ngọc Hồi       | H26.155                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 79 | UBND phường Thanh Liệt | H26.156                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 80 | UBND xã Thượng Phúc    | H26.157                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 81 | UBND xã Thường Tín     | H26.158                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 82 | UBND xã Chương Dương   | H26.159                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 83 | UBND xã Hồng Vân       | H26.160                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 84 | UBND xã Phú Xuyên      | H26.161                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 85 | UBND xã Phụng Dực      | H26.162                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 86 | UBND xã Chuyên Mỹ      | H26.163                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 87 | UBND xã Đại Xuyên      | H26.164                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 88 | UBND xã Thanh Oai      | H26.165                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 89 | UBND xã Bình Minh      | H26.166                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 90 | UBND xã Tam Hưng       | H26.167                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 91 | UBND xã Dân Hòa        | H26.168                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 92 | UBND xã Vân Đình       | H26.169                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 93 | UBND xã Ứng Thiên      | H26.170                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 94 | UBND xã Hòa Xá         | H26.171                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |

| TT  | Tên cơ quan, tổ chức   | Mã định danh cơ quan, tổ chức | Chữ viết tắt tên cơ quan, đơn vị | Ký hiệu đơn vị, bộ phận trực thuộc <sup>1</sup> | Mã định danh tài liệu/văn bản <sup>2</sup> | Mã định danh hồ sơ <sup>3</sup> |
|-----|------------------------|-------------------------------|----------------------------------|-------------------------------------------------|--------------------------------------------|---------------------------------|
| 95  | UBND xã Ứng Hòa        | H26.172                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 96  | UBND xã Mỹ Đức         | H26.173                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 97  | UBND xã Hồng Sơn       | H26.174                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 98  | UBND xã Phúc Sơn       | H26.175                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 99  | UBND xã Hương Sơn      | H26.176                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 100 | UBND phường Chương Mỹ  | H26.177                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 101 | UBND xã Phú Nghĩa      | H26.178                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 102 | UBND xã Xuân Mai       | H26.179                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 103 | UBND xã Trần Phú       | H26.180                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 104 | UBND xã Hòa Phú        | H26.181                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 105 | UBND xã Quảng Bị       | H26.182                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 106 | UBND xã Minh Châu      | H26.183                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 107 | UBND xã Quảng Oai      | H26.184                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 108 | UBND xã Vật Lại        | H26.185                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 109 | UBND xã Cổ Đô          | H26.186                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 110 | UBND xã Bất Bạt        | H26.187                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 111 | UBND xã Suối Hai       | H26.188                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 112 | UBND xã Ba Vì          | H26.189                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 113 | UBND xã Yên Bài        | H26.190                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 114 | UBND phường Sơn Tây    | H26.191                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 115 | UBND phường Tùng Thiện | H26.192                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 116 | UBND xã Đoài Phương    | H26.193                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 117 | UBND xã Phúc Thọ       | H26.194                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 118 | UBND xã Phúc Lộc       | H26.195                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 119 | UBND xã Hát Môn        | H26.196                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 120 | UBND xã Thạch Thất     | H26.197                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 121 | UBND xã Hạ Bằng        | H26.198                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 122 | UBND xã Tây Phương     | H26.199                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 123 | UBND xã Hòa Lạc        | H26.200                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 124 | UBND xã Yên Xuân       | H26.201                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |

| TT  | Tên cơ quan, tổ chức | Mã định danh cơ quan, tổ chức | Chữ viết tắt tên cơ quan, đơn vị | Ký hiệu đơn vị, bộ phận trực thuộc <sup>1</sup> | Mã định danh tài liệu/văn bản <sup>2</sup> | Mã định danh hồ sơ <sup>3</sup> |
|-----|----------------------|-------------------------------|----------------------------------|-------------------------------------------------|--------------------------------------------|---------------------------------|
| 125 | UBND xã Quốc Oai     | H26.202                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 126 | UBND xã Hưng Đạo     | H26.203                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 127 | UBND xã Kiều Phú     | H26.204                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 128 | UBND xã Phú Cát      | H26.205                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 129 | UBND xã Hoài Đức     | H26.206                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 130 | UBND xã Dương Hòa    | H26.207                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 131 | UBND xã Sơn Đồng     | H26.208                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 132 | UBND xã An Khánh     | H26.209                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 133 | UBND xã Đan Phượng   | H26.210                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 134 | UBND xã Ô Diên       | H26.211                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 135 | UBND xã Liên Minh    | H26.212                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 136 | UBND xã Gia Lâm      | H26.213                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 137 | UBND xã Thuận An     | H26.214                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 138 | UBND xã Bát Tràng    | H26.215                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 139 | UBND xã Phù Đồng     | H26.216                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 140 | UBND xã Thụ Lâm      | H26.217                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 141 | UBND xã Đông Anh     | H26.218                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 142 | UBND xã Phúc Thịnh   | H26.219                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 143 | UBND xã Thiên Lộc    | H26.220                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 144 | UBND xã Vĩnh Thanh   | H26.221                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 145 | UBND xã Mê Linh      | H26.222                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 146 | UBND xã Yên Lãng     | H26.223                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 147 | UBND xã Tiến Thắng   | H26.224                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 148 | UBND xã Quang Minh   | H26.225                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 149 | UBND xã Sóc Sơn      | H26.226                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 150 | UBND xã Đa Phúc      | H26.227                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 151 | UBND xã Nội Bài      | H26.228                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 152 | UBND xã Trung Giã    | H26.229                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |
| 153 | UBND xã Kim Anh      | H26.230                       | UBND                             |                                                 |                                            |                                 |

### **Chú thích:**

**1. Ký hiệu đơn vị/bộ phận trực thuộc:** Cơ quan, tổ chức quy định ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực thuộc cơ quan, tổ chức mình bảo đảm ngăn gọn, dễ hiểu).

**Ví dụ:** Số ký hiệu một số đơn vị/bộ phận thuộc Sở Nội vụ:

- **VP:** Văn phòng Sở Nội vụ.
- **KHTC:** Phòng Kế hoạch - Tài chính, Sở Nội vụ.
- **XDCQ:** Phòng Xây dựng chính quyền, Sở Nội vụ.
- **SBN:** Phòng Sở ban ngành, Sở Nội vụ.
- **QLH&VTLT:** Phòng Quản lý hội và văn thư, lưu trữ, Sở Nội vụ.
- **NCC:** Phòng Người có công, Sở Nội vụ.

**2. Mã định danh tài liệu/văn bản,** bao gồm: *[Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức]+[Năm ban hành tài liệu/văn bản]+[Số thứ tự văn bản ban hành trong năm (số tự nhiên bắt đầu từ 01...n)]* . Trong đó:

- Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức được UBND Thành phố quy định và được tự động trên Hệ thống.
- Năm ban hành văn bản
- Số thứ tự văn bản ban hành trong năm: Số thứ tự văn bản đăng ký tại văn thư cơ quan, đơn vị.

**Ví dụ:** Văn bản do Sở Nội vụ ban hành có mã định danh văn bản: **H26.10.2025.100**

Trong đó:

- H26.10 là Mã định danh điện tử của Sở Nội vụ.
- 2025: năm ban hành văn bản.
- 100: Số thứ tự văn bản ban hành trong năm (số tự nhiên bắt đầu từ 01...n).

**3. Mã định danh hồ sơ,** bao gồm:

*[Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức]+[Năm hình thành hồ sơ]+[Số hồ sơ]+[Ký hiệu đơn vị/bộ phận thuộc]+ [Số thứ tự văn bản, tài liệu, số tự nhiên tối đa 07 ký tự]* . Trong đó:

- Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức được cấp theo các (05) Quyết định của UBND Thành phố và được tự động trên Hệ thống.

- Năm hình thành hồ sơ
- Số hồ sơ: được lấy theo Danh mục hồ sơ cơ quan/đơn vị.
- Ký hiệu đơn vị/bộ phận thuộc: chữ viết tắt tên phòng hoặc đơn vị, bộ phận tham mưu thuộc cơ quan, tổ chức.
- Số thứ tự văn bản, tài liệu, số tự nhiên tối đa 07 ký tự (quy định tại Thông tư số 05/2025/TT-BNV)

***Ví dụ:*** Hồ sơ do Phòng Quản lý hội và văn thư, lưu trữ tham mưu Sở Nội vụ có mã định danh:  
**H26.10.2025.01.QLH&VTLT.0000001**

Trong đó:

- H26.10 là Mã định danh điện tử của Sở Nội vụ.
- 2025: Năm hình thành hồ sơ.
- 01: Số hồ sơ được lấy  
theo Danh mục hồ sơ cơ quan/đơn vị.
- QLH&VTLT: ký hiệu tên tắt của đơn vị tham mưu ban hành văn bản (theo quy định của cơ quan, tổ chức).
- 0000001: Số thứ tự văn bản, tài liệu, số tự nhiên tối đa 07 ký tự (quy định tại Thông tư số 05/2025/TT-BNV).

**\* Lưu ý:**

- Các thành phần được phân định bởi dấu chấm (.)
- Độ dài các thành phần được thực hiện theo quy định tại Nghị định 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ và Thông tư số 05/2025/TT-BNV ngày 14/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.